TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THẤT, TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/6/2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Sơn.
- Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Bùi Đăng Lý.
+ Ông Nguyễn Văn Chiến.
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Kiều Hữu T**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số nhà 17, ngõ 28, thôn 6, xã Đ, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: Bà **Khuất Thị T1**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số nhà 17, ngõ 28, thôn 6, xã Đ, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào đơn khởi kiện, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Kiều Hữu T trình bày: Năm 1990, ông và bà Khuất Thị T1 kết hôn do hai bên tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 08/10/1990 tại UBND xã Đ, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên mâu thuẫn. Từ năm 2020 đến nay ông bị bệnh, bà T1 và các con bỏ mặc không ai quan tâm chăm sóc

và nói là do ông có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác ở bên ngoài nhưng ông không có việc ngoại tình như bà T1 nói. Ông đã khuyên nhủ hòa giải để vợ chồng và các con hòa thuận nhưng không được, các con đều theo mẹ và bỏ mặc ông ốm đau bệnh tật một mình nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không có quan hệ tình cảm nữa. Ông chuyển ra sống ở khu đất ao đấu thầu của Ủy ban xã, còn bà T1 và các con ở đất nhà chung của vợ chồng ở trong làng. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết không thể đoàn tụ với bà T1 được nữa. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Ông và bà T1 có ba con chung là: Kiều Mạnh Ch- sinh ngày 28/3/1992, Kiều Văn D- sinh ngày 14/6/1994, Kiều Anh Q- sinh ngày 11/11/1997.

Hiện nay các con của ông đã trưởng thành, đều phát triển bình thường và có công việc làm ổn định. Tòa án không phải giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Ông và bà T1 sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

Tại văn bản ngày 09/5/2023, các văn bản tiếp theo, bị đơn là bà Khuất Thị T1 trình bày: Bà công nhận về điều kiện kết hôn và con chung như ông T trình bày là đúng.

Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường cho đến năm 2019. Từ năm 2020 đến nay ông T sống lạnh nhạt với bà và nói chán bà. Bà tìm hiểu thì được biết ông T có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài do mối quan hệ chơi lô đề quen biết nhau, người phụ nữ này sống ở trung tâm Hà Nội, ông T đã đưa người phụ nữ này về nhà anh trai ăn cơm nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể. Bà đã khuyên nhủ nhưng ông T không chấm dứt, vẫn tiếp tục sống lạnh nhạt, không quan hệ tình cảm với bà nữa nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Ông T chuyển ra sống ở khu đất ao đấu thầu của Ủy ban xã, còn bà và các con ở đất nhà của vợ chồng ở trong làng.

Nay ông T xin ly hôn, quan điểm của bà như sau: Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nhưng hiện nay các con bà đã trưởng thành nếu bố mẹ ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tương lai của các con nên bà không đồng ý ly hôn. Bà đề nghị Tòa án cho bà và ông T được tiếp tục sống ly thân như hiện nay.

Về con chung: các con của bà đã trưởng thành. Nếu Tòa án giải quyết để cho ông T ly hôn bà thì Tòa án không phải giải quyết việc nuôi con. Các con bà đều phát triển bình thường, đã trưởng thành và công việc làm ổn định.

Về tài sản, công nợ chung: Do ông T không yêu cầu giải quyết tài sản và bà không đồng ý ly hôn nên bà cũng không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về trình tự thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà T1 đã trầm trọng, kéo dài, cả ông T và bà T1 đều xác nhận tình cảm vợ chồng đã hết, không thể

đoàn tụ được nữa. Đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, để xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Kiều Hữu T và bà Khuất Thị T1.

Về con chung: Các con chung của ông T và bà T1 đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không phải giải quyết.

Về tài sản: Ông T và bà T1 không yêu cầu nên không phải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về tố tụng: Bà Khuất Thị T1 có hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại xã Đ, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội nên ông Kiều Hữu T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Khuất Thị T1 đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]- Về hôn nhân: Ông Kiều Hữu T và bà Khuất Thị T1 kết hôn tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ ngày 08/10/1990, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống từ năm 2020 đến nay vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân hơn hai năm. theo ông T thì từ năm 2020 do bà T1 và các con bỏ mặc không trông nom ông T lúc bệnh tật; theo bà T1 thì từ năm 2020 do ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, sống lạnh nhạt không có tình cảm với bà T dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Ông T xác định tình cảm vợ chồng đã hết và xin được ly hôn bà T1. Quá trình giải quyết vụ án, bà T1 cũng xác nhận tình cảm vợ chồng đã hết, nhưng hiện nay các con đã trưởng thành nếu bố mẹ ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tương lai của các con nên bà T1 không đồng ý ly hôn, bà T1 đề nghị được tiếp tục sống ly thân.

Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn bà T1.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà T1 đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân kéo dài hơn 02 năm. Ông T và bà T1 đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được nữa. Lý do bà T1 không đồng ý ly hôn không phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng mong muốn được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc, xây dựng gia đình mà vì vấn đề sợ ảnh hưởng đến con chung. Do vậy, ông T xin ly hôn bà T1 là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]- Về con chung: Ông T và bà T1 xác nhận vợ chồng có ba con chung là Kiều Mạnh Ch- sinh ngày 28/3/1992, Kiều Văn D- sinh ngày 14/6/1994, Kiều Anh Q- sinh ngày 11/11/1997. Các con của ông bà đã trưởng thành trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]- Về tài sản: Ông T và bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]- Về án phí: Ông Kiều Hữu T đã 63 tuổi, thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí ly hôn cho ông T.

[6]- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Kiều Hữu T và bà Khuất Thị T1.

2. Về con chung: Ông T và bà T1 xác nhận vợ chồng có ba con chung là Kiều Mạnh Ch- sinh ngày 28/3/1992, Kiều Văn D- sinh ngày 14/6/1994, Kiều Anh Q- sinh ngày 11/11/1997. Các con của ông T và bà T1 đã trưởng thành trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên Tòa án không phải giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Kiều Hữu T và bà Khuất Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Kiều Hữu T.

5. Về quyền kháng: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện Thạch Thất;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Ngọc Sơn